



🌟 Bahasa Melayu
 Bamanankan
 বাংলা
 Bân-lâm-gú
 Basa Jawa
 Basa Sunda
 Башкортса
 Беларуская
 Беларуская

Felis silvestris catus^[3]

Кыргызча
 Kiswahili
 Коми
 Kongo
 Kreyòl ayisyen
 Kurdî
 Ladino
 Лакку
 Лезги
 ལ་ཡོ་
 ★ Latina
 Latgali
 Latviešu
 Lea faka-Tonga
 Lëtzebuergesch
 ★ Lietuvių
 Ligure
 Limburgs
 Lingála
 Livinkarjala
 La .lojban.
 Lumbaart
 ★ Magyar
 Македонски
 Malagasy
 ★ മലയാളം
 Malti
 मराठी
 مصرى
 ملايو
 Ming-dĕng-ngṳ̌
 Mrandés
 Перем Коми
 Мокшень
 Монгол
 ■■■■■■■■■■
 Nāhuatl
 Nederlands
 Nedersaksies
 नेपाली
 नेपाल भाषा
 日本語
 Нохчийн
 Norsk bokmål
 Norsk nynorsk
 Nouormand
 Novial
 Occitan
 Олык мари
 O'zbekcha/Ўзбекча
 ਪੰਜਾਬੀ
 پنجابی
 پښتو
 Patois
 македoнски
 Picard
 Piemontèis
 Plattdütsch
 Polski
 Português
 Română
 Runa Simi
 ★ Русский
 Русиньскый
 Саха тыла
 Sámegiella
 संस्कृतम्
 Sardu

năm.^[10] Mèo nhà thường sống lâu hơn nếu ta không cho chúng ra ngoài (giảm nguy cơ bị thương tích khi đánh nhau và tai nạn cũng như dễ mắc bệnh) và nếu chúng bị **cắt buồng trứng hay hoạn**. Những chú mèo đực bị hoạn tránh được **ung thư tinh hoàn**, mèo cái bị cắt buồng trứng không bị **ung thư buồng trứng** nhờ vậy giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh **ung thư**.^[11] Mèo hoang trong môi trường **đô thị** hiện đại thường chỉ sống hai tới ba năm hoặc ít hơn. Mèo hoang trong các nhóm có thể sống lâu hơn; tổ chức British Cat Action Trust đã thông báo về trường hợp một con mèo hoang cái 19 tuổi. Chú mèo hoang sống lâu nhất là "Mark", do Hội từ thiện **Bảo vệ Mèo** Anh nuôi, sống tới 26 tuổi.



Một chú mèo đang tự chải chuốt

Mèo là những vận động viên điền kinh. Những kẻ chạy nước rút tài giỏi, chúng có thể đạt tới tốc độ 30 dặm một giờ trên những khoảng cách ngắn. Mèo có thể nhảy cao tới đỉnh rào hay một bức tường cao 7 ft từ tư thế đứng yên. Mèo nhà là một trong số ít loài vật bốn chân không có các **xương đòn** cứng.^[12] Điều này cho phép mèo chui qua lỗ hổng có kích thước bằng đầu chúng.

Tai [sửa | sửa mã nguồn]

Với 32 cơ riêng biệt điều khiển hướng nghe của tai,^[13] mèo có thể vểnh mỗi tai theo một hướng khác nhau. Nhờ tính năng động cao như vậy, mèo có thể quay người về một hướng và vểnh tai theo hướng khác. Đa số mèo có **tai** thẳng vểnh cao. Không giống như **chó**, các giống mèo có tai cụp rất hiếm. (Mèo giống **Scottish Fold** là một loài **đã biến đổi** như vậy.) Khi giận dữ hay sợ hãi, mèo thường chĩa tai về phía sau, đồng thời phát ra các âm thanh gầm gừ hay **tiếng rít**. Mèo cũng chĩa tai về phía sau khi chúng chơi đùa, hay thỉnh thoảng khi chú ý tới một tiếng động phát ra từ phía sau nó.

Sự thuần hoá [sửa | sửa mã nguồn]

Mèo giữ năng lượng bằng cách **ngủ** nhiều hơn đa số các loài động vật khác, đặc biệt khi chúng già đi. Thời gian ngủ hàng ngày có khác nhau, thường là 12–16 giờ, mức trung bình 13–14 giờ. Một số chú mèo có thể ngủ 20 giờ trong ngày.

Vì thường chỉ hoạt động nhiều lúc mặt trời lặn, mèo rất hiếu động và hay đùa nghịch vào buổi tối và chủ yếu ngủ vào sáng sớm, trưa và chiều.^{[14][15]}

Tính khí mèo thay đổi tùy theo giống, hoàn cảnh sống và giới tính, mèo cái thường quẩn chủ hơn mèo đực. Mèo lông ngắn thường gầy và ưa hoạt động, mèo lông dài thường to và lười nhác.

Nhiệt độ cơ thể mèo trong khoảng 38 tới 39 °C (101 tới 102,2 °F).^[16] Một con mèo bị coi là **sốt (cao)** nếu có thân nhiệt ở mức 39,5 °C (103 °F) hay cao hơn, hay **giảm nhiệt** nếu thấp hơn 37,5 °C (100 °F). Để so sánh, thân nhiệt thông thường của cơ thể người xấp xỉ 37 °C (98,6 °F). Một chú mèo nhà bình thường có nhịp tim khoảng 140 đến 220 nhịp một phút, và nó phụ thuộc rất nhiều vào tình trạng kích động hay không của mèo. Khi mèo đang nghỉ ngơi, nhịp tim bình thường trong khoảng 150 - 180 nhịp một phút, khoảng gấp đôi con người.

Chân [sửa | sửa mã nguồn]


Giống như chó, mèo là loài vật **đi trên đầu ngón chân**: chúng bước trực tiếp trên các ngón, các **xương** bàn chân của chúng tạo thành phần thấp nhìn thấy được của cẳng chân. Mèo có thể bước rất chính xác, bởi vì giống như mọi giống thuộc loài mèo khác, chúng ghi nhận trực tiếp; có nghĩa là chúng đặt bàn chân sau (hầu như) trực tiếp lên dấu của bàn chân trước, giảm thiểu tiếng ồn và dấu vết để lại. Điều này cũng giúp chúng có vị trí đặt chân sau tốt khi bước đi trên bề mặt gồ ghề.

Giống như mọi thành viên khác của **họ** mèo, loại trừ loài **báo gậpa**, mèo có **vuốt** thu lại được. Bình thường, ở vị trí nghỉ các vuốt được thu lại trong da và lông quanh đệm ngón. Điều này giữ vuốt luôn sắc bởi chúng không tiếp xúc với mặt đất cũng như cho phép mèo đi nhẹ nhàng rình mồi. Các vuốt chân trước thường sắc hơn so với phía sau. Mèo có thể giương một hay nhiều vuốt ra tùy theo nhu cầu. Chúng thường giương vuốt khi săn mồi, tự vệ, hay leo trèo, "**nhào lộn**", hay để tăng ma sát khi bước đi trên các bề mặt trơn (khăn trải giường, thảm dày, vân vân). Các vuốt cong có thể bị mắc vào thảm hay các tấm vải dày, khiến mèo bị thương nếu



Một con mèo nhà

Scots
Seeltersk
Sesotho
Sesotho sa Leboa
Shqip
Sicilianu
සිංහල
Simple English
سنڌي
SiSwati
★ Slovenčina
Slovenščina
Словѣнскъ /
Словенски
Šlůnski
Soomaaliga
كوردی نۆزەنی
Sranantongo
★ Српски / srpski
Srpskohrvatski /
српскохрватски
Suomi
Svenska
Tagalog
தமிழ்
Татарча/tatarça
ᱥᱟᱱᱛᱟᱲ
ไทย
Тоҷикӣ
ᱥᱟᱱᱛᱟᱲ
ತುಳು
Türkçe
Удмурт
Українська
اردو
ئۇيغۇرچە / Uyghurche
Vahcuengh
Vèneto
Vepsän kel'
Võro
Walon
文言
West-Mangs
Winaray
Wolof
吴语
ሃሳብ
Yorùbá
粵語
Zazaki
Žemaitėška
中文

 Sửa liên kết

chúng không thể tự gỡ.

Trèo cao và ngã [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Đa số các giống mèo đều thích trèo cao hay ngồi ở các vị trí cao. Các nhà nghiên cứu hành vi động vật đã đưa ra một số giải thích điều này, thông thường nhất là, "độ cao khiến mèo có điểm quan sát tốt hơn. Từ vị trí đó, chúng có thể giám sát *vương quốc* của mình và biết mọi hoạt động của con người cũng như các con vật khác. Trong môi trường hoang dã, một vị trí trên cao cũng được dùng làm nơi ẩn mình để săn mồi."^[17] Vì thế độ cao cũng có thể mang lại cho mèo cảm giác an toàn và uy thế.

Tuy nhiên, sự ưa chuộng độ cao này có thể là một cách thử nguy hiểm đối với quan niệm thông thường rằng một chú mèo "luôn rơi chân xuống trước". Cơ quan bảo vệ động vật Hoa Kỳ đã cảnh báo những người chủ nên canh chừng những vị trí nguy hiểm trong nhà họ để tránh "hội chứng trèo cao", có thể khiến một chú mèo quá tự tin bị ngã từ độ cao quá lớn.^[18]

Khi rơi, mèo có thể sử dụng cảm giác thăng bằng sắc bén và khả năng phản xạ của nó tự xoay thân tới vị trí thích hợp.^[19] Khả năng này được gọi là "**phản xạ thăng bằng**." Nó luôn chỉnh lại thăng bằng cơ thể theo một cách, khiến chúng luôn có đủ thời gian thực hiện phản xạ này khi rơi. Vì thế, những cú ngã từ trên cao (nhiều tầng) ít gây nguy hiểm hơn những cú ngã từ độ cao chỉ vài mét. Nhiều trường hợp đã được ghi nhận cho thấy những chú mèo ngã từ độ cao lớn (5 đến 10 tầng) vẫn sống sót, bình yên vô sự. Một số giống không có **đuôi** nên không có khả năng lấy lại thăng bằng này, bởi vì mèo quật đuôi và dựa trên **mômen động lượng** để lấy thăng bằng chuẩn bị tiếp đất.

Giác quan [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

*Việc đánh giá các giác quan của bất kỳ một loài vật nào cũng là điều khó khăn bởi vì không bao giờ có sự giao tiếp trực tiếp (ví dụ, đọc to các chữ trên **Bảng Snellen**) giữa đối tượng và người nghiên cứu.*

Trong khi các giác quan như **khứu giác** và **thính giác** của mèo không nhạy bén như của chuột, thì chúng lại vượt trên con người ở nhiều điểm. Các đặc điểm đó cộng với những khả năng **thị giác**, **vị giác**, và **xúc giác** khiến chúng trở thành một loại đặc biệt nhạy cảm trong giới động vật có vú.

Thị giác [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Nghiên cứu cho thấy tầm nhìn của mèo tốt nhất vào **ban đêm** so với người, và kém nhất vào **ban ngày**. Mèo, cũng như **chó**, có **màng trạch** để phản chiếu lại ánh sáng tới võng mạc. Khi đó, khả năng nhìn của mèo được tăng lên khi ở trong bóng tối, tạo ra một màng lưới thị giác sắc sảo. Nhưng vào ban ngày hoặc chỗ có nhiều ánh sáng, tròng đen của mèo khép lại hẹp, làm số lượng ánh sáng chiếu vào ít đi, tránh bị lóa và cải thiện khả năng quan sát. **Màng trạch** và một số bộ phận khác giúp mèo có 1 sự dò tìm tốt hơn so với con người. Sự biến đổi màu sắc của mắt mèo trong các tấm ảnh gần giống với sự tương tác giữa ánh sáng và màng trạch.

Thông thường mèo có **thị trường** khoảng 200°, so với 180° ở con người, với trường trùng lặp (**ảnh trùng lặp** của hình ảnh thu được từ hai mắt) nhỏ hơn con người. Giống như đa số các loài vật ăn thịt khác, mắt của chúng hướng về phía trước để có được hình ảnh có chiều sâu tuy phải hy sinh độ rộng thị trường. Thị trường phụ thuộc rất nhiều vào vị trí mắt, nhưng cũng có thể phụ thuộc ở cấu tạo mắt. Thay vì kiểu **con người tròn** (optic fovea) vốn giúp con người có được tầm nhìn tập trung tốt hơn, mắt mèo có một dải thị giác. Mèo rõ ràng có thể phân biệt các **màu sắc**, đặc biệt ở cự ly gần, nhưng không hoàn toàn rõ rệt.

Mèo có **mí mắt** thứ ba, đó là 1 **màng mỏng** xuất hiện khi mắt mèo mở. Màng này thường đóng lại từ từ khi mèo bị **bệnh**, nhưng chúng lại rất rõ ràng khi mèo buồn ngủ. Nếu 1 con mèo từ lúc mới sinh đã có mí thứ 3 rõ ràng thì có nghĩa là nó phải đến gặp **bác sĩ thú y**.

Mắt mèo có rất nhiều màu nhưng phổ biến là **vàng**, **xanh lá** và **cam**. Mắt **xanh dương** cũng xuất hiện ở giống mèo Siamese, tuy nhiên cũng có ở những con mèo bị bạch tạng. Nếu một con mèo bạch tạng có đôi mắt xanh dương thì thường sẽ bị **điếc**; tuy nhiên, mắt màu cam cũng báo hiệu **tai** của nó có **vấn đề**. Mèo **bạch tạng** có 1 mắt xanh dương 1 mắt cam cũng thường điếc như mèo có đôi mắt xanh.

Thính giác [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Con người và mèo có tầm thính giác ở mức thấp tương tự như nhau, nhưng mèo có thể nghe được những âm



Mắt xanh của mèo.



Sự thay đổi hình dạng mắt mèo giữa ngày và đêm



thanh ở độ cao lớn hơn, thậm chí tốt hơn cả chó. Mèo có thể nghe ở mức cao hơn 2 **quãng** so với con người, và một nửa quãng so với chó. Khi nghe âm thanh nào đó, tai mèo sẽ xoay về hướng đó; mỗi vành tai mèo có thể quay độc lập về hướng nguồn **âm thanh**. Mèo có thể xác định vị trí một vật chính xác trong vòng 7.5 cm (3 inches) khi nguồn phát âm ở khoảng cách khoảng 1 mét (điều này giúp chúng định vị con mồi, v.v...).



Một chú mèo đang dùng các giác quan để thám thính

Khứu giác [sửa | sửa mã nguồn]

Khứu giác của một con mèo nhà mạnh gấp 14 lần so với của con người. Số lượng tế bào khứu giác ở mũi của chúng cũng nhiều gấp đôi, do đó mèo có thể ngửi thấy những mùi mà chúng ta không nhận thấy được. Mèo còn có một cơ quan đánh hơi ở vòm miệng gọi là **vomeronasal**, hay cơ quan Jacobson. Khi một con mèo chun mồm, hạ thấp cằm, và nâng lưỡi lên một chút, đó là lúc nó đang sử dụng cơ quan vomeronasal. Hành động này gọi là "gaping", "sneezing", hay "flehming". Gaping tương đương với **phản ứng Flehmen** ở các động vật khác như **chó**, **ngựa** và **mèo lớn**.

Xúc giác [sửa | sửa mã nguồn]

Do mèo thích leo trèo nên nó có khả năng bám rất tốt do chúng dùng móng để giữ. Mèo ít khi bị té (Do mất thăng bằng) nhưng chúng biết kiểm soát độ thăng bằng và tiếp đất bằng 2 chân trước. Mèo đi hoàn toàn không có tiếng động do phần lớp thịt dày dưới chân nên mèo được mệnh danh là "Kẻ sát thủ trầm lặng" khi đi săn mồi.

Vị giác [sửa | sửa mã nguồn]

Chỉ có mèo và thỏ là không thể cảm nhận được vị ngọt do thiếu gen cần thiết cho việc này. Đặc biệt không được cho mèo ăn sô cô la [3]

Trí nhớ [sửa | sửa mã nguồn]

Một **nghiên cứu** mới tìm thấy mèo chỉ có thể nhớ được những thông tin nhất định trong vòng 10 **phút**. Nghiên cứu ban đầu nhằm so sánh trí nhớ hành động của mèo với trí nhớ hình ảnh và tìm thấy mèo nhớ bằng cơ thể tốt hơn là bằng mắt, khi chúng gặp một vật thể trên đường. Khi một con mèo bước qua một đồ chơi hoặc chiếc giày đặt ở cửa trên đường tới đĩa thức ăn, nó phải phối hợp bước đi của cả chân sau và chân trước. "**Động vật**, cũng như con người, ghi nhớ một cách vô thức vị trí đồ vật theo sự tương xứng với **cơ thể** khi họ bước đi, sự ghi nhớ này phụ thuộc phần lớn vào các tín hiệu liên quan tới sự chuyển động cơ thể", nhà nghiên cứu Keir Pearson tại Đại học Alberta, **Canada**, nói. Mặc dù các **nhà nghiên cứu** đã biết được điều này, họ vẫn băn khoăn làm thế nào mà mèo nhớ chính xác phải nhấc chân sau lên sau khi chân trước đã tránh một vật cản. Để tìm hiểu sự phối hợp của mèo, các nhà nghiên cứu tìm hiểu chúng có thể nhớ việc mình vừa bước qua một cản trở trong bao lâu. Họ khiến con mèo dừng lại khi chân trước đã bước qua vật cản, nhưng chân sau chưa bước tới. Tiếp đến họ đánh lạc hướng con mèo bằng đồ ăn và dịch chuyển chướng ngại vật để xem con vật phản ứng thế nào. Mèo nhớ được mình vừa bước qua vật cản trở trong ít nhất 10 phút, nên nhấc chân sau lên để tránh đồ vật, kể cả khi nó không còn ở đó. Để so sánh trí nhớ hoạt động của mèo với trí nhớ **hình ảnh**, họ lặp lại thí nghiệm nhưng lần này dùng con mèo ngay khi chúng chuẩn bị nhấc chân trước qua vật cản. Kết quả cho thấy chỉ sau vài giây, con mèo không thể nhớ những gì chúng đã nhìn thấy nhưng chưa kịp làm: khi vật thể bị bỏ đi, con mèo quên mất là nó đã ở đó và tiếp tục đi. Nghiên cứu trên **ngựa** và **chó** cũng cho kết quả tương tự. Trí nhớ này đóng vai trò trong khả năng con người định vị vật thể trong bóng tối hoặc nhớ lại họ đã để xe ở chỗ nào trong bãi đỗ xe vào buổi sáng. Bằng việc đi bộ từ chỗ để xe vào **văn phòng**, bạn đã củng cố **ký ức** về vị trí của chiếc xe trong trí **não** và không phải mất nửa tiếng để tìm nó.

Bộ xương [sửa | sửa mã nguồn]

Bộ xương của mèo hơi nhỏ và đầu xương không giống với xương người. Xương sống của mèo có nhiều đốt hơn chúng ta để di chuyển dễ dàng và tránh được thương tổn. Xương đuôi rất dài để giữ thăng bằng cho việc di chuyển. Toàn bộ (Tổng cộng 500 cơ xương) gồm 7 đốt sống cổ, 13 đốt sống ngực, 7 lưng 3 hông và 14-28 đốt sống đuôi, mèo có thể cuộn tròn cơ thể hoặc "giảm sóc, giảm nhẹ sang chấn" khi rơi từ độ cao nguy hiểm. Bộ răng và hàm của mèo đầy mạnh lực cắn xé mồi. Khi bắt mồi, các móng vuốt giương ra khỏi đệm thịt để cào xé mồi.

Thông tin [sửa | sửa mã nguồn]

Săn mồi và chế độ ăn uống [sửa | sửa mã nguồn]

Mèo là động vật ăn thịt thể nên đối tượng để nó săn mồi cho nhu cầu sinh tồn là những loài vật nhỏ như: **chuột**, **rắn**, **cóc nhái**, **cá**... **vũ khí** săn mồi của mèo là **móng vuốt** ở đầu ngón chân có chiều dài hơn 1 **phân**, hình cong

bán nguyệt, đầu móng vuốt nhỏ và nhọn sắc bén. Móng vuốt của loài mèo là vũ khí khá lợi hại đối với đối tượng của nó đang săn mồi. Để săn mồi, khi gặp đối tượng hay con vật nó cần bắt làm mồi, loài mèo thường đứng từ xa cách con mồi khoảng chừng 5 đến 6 **mét**. Sau đó nó nằm bẹp hạ cơ thể xuống sát đất, mắt chăm chăm nhìn không nháy mắt đến đối tượng đồng thời bước tới con mồi cần săn rất nhẹ nhàng. Khi đến gần khoảng cách mà nó cảm thấy an chắc, loài mèo tung ra sức mạnh cuối cùng bằng cách đẩy mạnh 2 chân sau và đồng thời phóng mạnh toàn **cơ thể** tới phía trước và dùng móng sắc nhọn duỗi thẳng ra và cào lấy con mồi. Loài mèo thường bắt lấy mồi khá hiểm và độc đáo bằng cách duỗi móng ở hai **bàn chân** trước ra và túm lấy vào **gáy** đối tượng. Đây là cách **săn mồi** khá ấn tượng và hiệu quả của loài mèo và sau đó dùng miệng cắn lên đầu con mồi cho đến chết mới thả ra.

Ngày nay, loài mèo luôn sống với người qua nhiều thế hệ con cháu. Cho nên, thức ăn của loài mèo là **cơm**. Thế nhưng dù là loài ăn thịt thú rừng cá là loại thức ăn khoái khẩu nhất của họ hàng nhà mèo. Con người thường cho mèo ăn cá trộn với cơm. Đây là thứ thức ăn mà mèo thích vì nó có **mùi tanh** của cá. Loài mèo nhà cũng ăn thịt thú rừng nhưng thực tế cho thấy rằng nó thích ăn cá hơn nhiều. Mèo thường đến bên **bờ ao** uống nước và bắt cá. Cá và chuột luôn là thức ăn được ưa chuộng nhất của Mèo.^{[[cần dẫn nguồn](#)]}

Vệ sinh ^{[[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]}

Mèo được biết đến nhờ sự sạch sẽ của nó. Loài mèo luôn biết tự bảo vệ cơ thể của nó tránh những nơi ẩm ướt, nó là **động vật** không lấy mẩn mà gì với **tắm**, thường nó không thích **lông** trên **cơ thể** của nó bị ướt hay có những tác động của các vật khác dính lên cơ thể của nó khi nó vô tình đi vào một lùm bụi **cây** qua một **bờ ao** hay rúc vào nơi kín đáo. Tất cả những nơi đó có khả năng gây vết tích lên lông của nó. Ngay cả **con người** vuốt tay lên người nó cũng có thể động lại **mùi** khác lạ. Chính vì vậy, nó được mệnh danh là một trong các **loài thú** sạch sẽ nhất.



Để làm vệ sinh cho cơ thể, nó thường thè **lưỡi** ra và tiết **nước bọt** vào chân của nó và bôi lên **mặt** và toàn thân thể. Hành động này cho thấy mục đích nó muốn xóa sạch các vết bẩn, ngay cả hơi tay của con người vừa mới bồng hay vuốt ve nó. Loài mèo luôn tự làm lấy vệ sinh cho cơ thể nhiều lần trong ngày, thường là lúc nó mới ngủ dậy hay đi đâu đó về. Hành động đó đã trở thành thói quen thường thấy ở loài mèo ngay cả khi cơ thể của nó không có vết bẩn nào cả. Loài mèo là thú vật luôn coi trọng **vệ sinh** cơ thể.

Môi trường ^{[[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]}

- Mèo rừng (hoang dã): Môi trường sống của mèo hoang là ở những nơi rừng rậm, dễ dàng leo trèo trên các thân cây, bắt mồi kiếm ăn, đặc biệt là kiếm ăn vào buổi tối, đó cũng là lý do mèo hoang đã không sống ở những nơi có nhiều động vật quá nguy hiểm.

- Mèo nhà: trước đây mèo được nuôi để bắt chuột, xua đuổi những con côn trùng,... nhưng dường như chúng ngày càng giảm khả năng đó, vì môi trường không còn quá nhiều khắc nghiệt như trước, chúng giờ đây được nuôi với xu hướng làm cảnh nhiều hơn.

Sinh sản và di truyền ^{[[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]}



Hai con mèo con chưa mở mắt

Mèo con từ 1 tháng tuổi trở lên đã được mèo mẹ dạy các động tác săn bắt mồi như chạy, nhảy, leo trèo, rình và vồ mồi. Mèo 4 tháng tuổi có thể bắt được **chuột**, **gián**, **thạch sùng**... mèo thường sống đơn độc. Đến thời kỳ sinh sản mèo cái thường đi tìm mèo đực. Trong thời gian này mèo cái có bộ lông mới bóng mượt, có mùi và tiếng kêu đặc biệt để hấp dẫn mèo đực.

Số lượng quá đông ^{[[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]}

Theo Hiệp hội bảo vệ động vật Mỹ, mỗi năm có 3 đến 4 triệu chó mèo ở Mỹ được giúp đỡ để ra đi một cách nhẹ nhàng và số lượng còn nhiều hơn thế đang được nuôi nhốt trong lồng ở các trung tâm cứu hộ bởi vì số thú vật được sinh ra tăng quá nhanh so với số hộ gia đình. Việc triệt sản hay thiến vật nuôi có thể giúp làm giảm tình trạng số lượng quá đông. ^{[[4](#)]} Hiệp hội bảo vệ động vật địa phương, SPCA's và những tổ chức bảo vệ động vật khác khuyến cáo cư dân nên triệt sản thú cưng của họ và nên nhận nuôi thú từ các trung tâm cứu hộ thay vì mua thú cưng.

Các loại mèo nhà ^{[[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]}

Mèo Abyssinian

Mèo American Ringtail
Mèo Balinese
Mèo Australian Mist
Mèo American Wirehair
Mèo American Shorthair
Mèo American Curl
Mèo American Bobtail
Mèo Ashera
Mèo Angora
Mèo Bambino
Mèo Bengal
Mèo Birman
Mèo Bombay
Mèo British Longhair
Mèo British Shorthair
Mèo Burmese
Mèo California Spangled
Mèo Chartreux
Mèo Chausie
Mèo Cornish Rex
Mèo Cymric
Mèo Dwarf
Mèo Don Sphynx
Mèo Devon Rex
Mèo Egyptian Mau
Mèo Elf
Mèo Exotic Shorthair
Mèo Havana Brown
Mèo Himalayan
Mèo Japanese Bobtail
Mèo Javanese
Mèo Maine Coon
Mèo LaPerm
Mèo Lambkin
Mèo Kurilian Bobtail
Mèo Korat
Mèo Kinkalow
Mèo Moggie (hay còn được gọi là mèo Household – tức mèo không thuần chủng)
Mèo Manx
Mèo Miniature
Mèo Minskin
Mèo Munchkin
Mèo Napoleon
Mèo Nebelung
Mèo Norwegian Forest
Mèo Ocicat
Mèo Ojos Azules
Mèo Oriental Shorthair
Mèo Perian (hiện đại)
Mèo Persian Doll Face (hay còn được gọi là Doll Face Perian – một dạng mèo Persian truyền thống)
Mèo RagaMuffin
Mèo Pixie-bob
Mèo Peterbald
Mèo Ragdoll
Mèo Russian Blue
Mèo Safari
Mèo Selkirk Rex
Mèo Scottish Fold<br]] /> Mèo Savannah<br]] /> Mèo Serengeti<br]] /> Mèo Serval
Mèo Seychellois<br]] /> Mèo Siamese (hiện đại)

Mèo Siberian
Mèo Singapura
Mèo Skookum
Mèo Snowshoe
Mèo Sokoke
Mèo Siamese (truyền thống)
Mèo Somali
Mèo Sphynx
Mèo Stray (đây cũng là một dạng mèo không thuần chủng như mèo Moggie)
Mèo Teacup
Mèo Thai (hay còn được gọi là mèo Thailand)
Mèo Tiffany
Mèo Tonkinese
Mèo Toyger
Mèo Turkish Angora
Mèo Turkish Van
Mèo Ural Rex
Mèo York Chocolate

Mèo hoang [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

 Bài chi tiết: [Mèo hoang](#)

Mèo hoang là những mèo đã thuần hóa nhưng trở về đời sống hoang dã, không quen thuộc với con người và tự do đi lang thang ở các khu vực đô thị hay nông thôn, cần phân biệt với [mèo rừng](#) là loài mèo chưa được thuần hóa.^[20] Mèo hoang có thể sống một mình, nhưng hầu hết được tìm thấy trong các nhóm lớn, trong đó chiếm một lãnh thổ cụ thể và thường được kết hợp với một nguồn thực phẩm.^[21]



Lịch sử và Thần thoại [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

 Bài chi tiết: [Mèo trong biểu tượng văn hóa](#)

Các nhà khoa học thường cho rằng [Ai Cập cổ đại](#) là nguồn gốc của việc thuần hóa mèo, dựa vào những bức họa vẽ mèo nhà ở Ai Cập có niên đại khoảng 3600 năm.^[3] Tuy nhiên, năm 2004, một ngôi mộ thuộc thời kỳ đồ đá mới được khai quật ở [Shillourokambos](#), tại Síp, có chứa bộ xương của một con người và một con mèo nằm ngay gần nhau. Người ta ước chừng ngôi mộ này đã được 9500 tuổi, trở thành minh chứng có từ sớm nhất cho việc quan hệ giữa người và mèo.^{[22]:220[23][24][25]} Con mèo trong mộ có kích thước lớn và gần giống loại [mèo rừng châu Phi](#) (*Felis silvestris lybica*), hơn là mèo nhà hiện nay. Sự khám phá này cùng với những nghiên cứu về di truyền cho thấy có thể mèo được thuần hóa ở Trung Đông, vùng [Trăng lưỡi liềm màu mỡ](#) vào giai đoạn phát triển nông nghiệp rồi sau đó những người này đã đem mèo đến Síp và Ai Cập.^[3]

Ở [Ai Cập cổ đại](#), mèo là [loài vật thần thánh](#), với truyền thuyết về vị nữ thần [Bast](#) thường được miêu tả trong hình dạng một con mèo, khi chiến tranh thì hóa thành một con sư tử cái.^{[22]:220} Người [La Mã cổ đại](#) thường được cho là những người đã đưa loài mèo nhà từ Ai Cập đến châu Âu,^{[22]:223} ở [Roman Aquitaine](#), một văn bia thuộc khoảng thế kỷ thứ 1 hoặc 2 mô tả lại hình ảnh một bé gái ôm mèo là một trong hai minh chứng sớm nhất về việc mèo xuất hiện ở La Mã.^[26] Tuy nhiên, vì mèo đã hiện diện ở nước Anh vào cuối [thời kỳ đồ sắt](#), nên có thể mèo đã được nuôi ở châu Âu trước thời [Đế chế La Mã](#).^[27] Mèo nhà đã trở nên phổ biến khắp thế giới trong suốt [Thời đại khám phá](#), vì chúng được đưa lên những chiếc thuyền buồm để diệt chuột trong khoang thuyền và được xem là loài mang lại may mắn.^{[22]:223}



Một số tôn giáo cổ tin rằng mèo là những linh hồn cao quý, người bạn đồng hành, hay người hướng dẫn cho con người, và rằng mèo rất thông thái nhưng do không biết nói nên không thể gây ảnh hưởng đến những quyết định của con người. Tại Nhật Bản, tượng mèo [Maneki Neko](#) là biểu tượng của sự phú quý, giàu có. Còn ở đạo Hồi tuy không có động vật thần thánh nào, nhưng một vài quyển sách đã ghi lại rằng thánh [Muhammad](#) có nuôi một con mèo cưng tên là [Muezza](#).^[28] Thánh yêu mèo đến mức "Người thà không mặc áo khoác còn hơn là làm phiền một con mèo đang ngủ trên chiếc áo".^[29]

[Freyja](#) — nữ thần của tình yêu, sắc đẹp và sự sinh sôi trong [thần thoại Bắc Âu](#) — được miêu tả là thường cưỡi trên một chiếc xe kéo bởi mèo.

Bên cạnh đó, nhiều nền văn hóa lại có cái nhìn tiêu cực về loài mèo. Điển hình là niềm tin về việc một con **mèo đen** băng ngang đường người nào đang đi thì người đó sẽ gặp xui xẻo, hoặc chuyện mèo là những phụ tá cho các mục phù thủy, giúp các mục gia tăng công lực. Điều này dẫn đến việc lùng diệt mèo rộng khắp châu Âu trong thời **trung cổ**. Chính việc tiêu diệt mèo đã làm tăng số lượng chuột, góp phần gây ra **Cái chết Đen** lây lan bởi **bọ chết** trên người những con chuột bệnh. Việc tàn sát mèo ở **Ypres** trong thời Trung Cổ nay được tưởng nhớ bằng lễ hội mèo **Kattenstoet** tổ chức 3 năm một lần.

Ở Việt Nam cũng có nhiều người mê tin rằng nếu mèo đen nhảy qua xác một người mới chết, người đó sẽ hóa thành quỷ nhập tràng.

Dựa theo một bí ẩn trong nhiều nền văn hóa, mèo là loài có nhiều mạng sống. Ở nhiều quốc gia, người ta thường cho rằng mèo có chín mạng, còn tại một số khu vực nói tiếng Tây Ban Nha thì cho rằng mèo có bảy mạng,^[30] riêng trong văn hóa Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ, mèo có sáu mạng.^[31] Bí ẩn này xuất phát từ sự mềm dẻo và nhanh nhẹn của mèo khi thoát khỏi những tình huống nguy hiểm đe dọa đến tính mạng.^[32] Đồng thời còn do mèo thường rơi xuống chạm đất bằng chân, sử dụng phản xạ theo bản năng để điều chỉnh cơ thể nhằm hạn chế chấn thương. Tuy vậy, mèo vẫn có thể bị thương hoặc chết khi rơi xuống từ một độ cao nhất định.^[33]

Miêu tả trong nghệ thuật [\[sửa | sửa mã nguồn \]](#)



Jar với Small Looped Handles và Feline Design, Chimú c. 1100-1400. **Viện bảo tàng Brooklyn**



Tượng đồng mèo Ai Cập cổ đại



Hình dáng của mèo được làm bởi Meissen Porcelain Factory, Saxony c. 1800. **Viện bảo tàng Brooklyn**



Mèo từ Unai no tomo do Shimizu Seifu thực hiện. Japan, 1891-1923. **Viện bảo tàng Brooklyn**



Cặp mèo Bookends được sản xuất bởi Chase Brass & Copper Co., USA c. 1930-1935. **Viện bảo tàng Brooklyn**



Tranh minh họa mèo của một họa sĩ người Đức **Fedor Flinzer**, có tên là **Raphael of Cats**.



Điêu khắc mèo *The Witness* bởi Henk Visch, **Peace Palace**, The Hague

Hình ảnh [\[sửa | sửa mã nguồn \]](#)



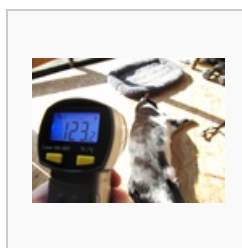
Cấu tạo mèo



Sọ mèo nhà



Mắt mèo



Mèo cảm thấy dễ chịu khi ngủ với nhiệt độ da cao



Mèo gặm chuột nhà



Mèo đang chải chuốt cho nhau



Lưỡi mèo như một cái lược giúp làm sạch lông



Mèo nhà ăn một con chim bắt được



Mèo giao hợp



Mèo con với mắt mới mở



Mèo ăn thịt **thỏ đuôi bông**



Da mèo



Hoa văn hình chữ "M" ở trán mèo



Móng vuốt ở mèo



Tượng mèo ở Ai Cập

Chú thích [sửa | sửa mã nguồn]

- [↑] [Systema Naturae, trang 166]
 - [↑] ITIS. "ITIS Standard Report Page: *Felis catus domestica*".
 - [^] ^a ^ã ^â ^b Driscoll CA, Macdonald DW, O'Brien SJ, CA (2009). "In the Light of Evolution III: Two Centuries of Darwin Sackler Colloquium: From wild animals to domestic pets, an evolutionary view of domestication". *Proc. Natl. Acad. Sci. U.S.A.* **106** (S1): 9971–9978. doi:10.1073/pnas.0901586106. PMC 270279. PMID 19528637.
- Lỗi chú thích: Thẻ <ref> không hợp lệ: tên "Driscoll" được định rõ nhiều lần, mỗi lần có nội dung khác**
- [↑] "Oldest Known Pet Cat? 9500-Year-Old Burial Found on Cyprus". National Geographic News. Ngày 8 tháng 4 năm 2004. Truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2007.
 - [↑] Carlos A. Driscoll, Juliet Clutton-Brock, Andrew C. Kitchener and Stephen J. O'Brien. "The Evolution of House Cats". Scientific American. Truy cập 26 tháng 8 năm 2009.
 - [↑] Wade, Nicholas (ngày 29 tháng 6 năm 2007). "Study Traces Cat's Ancestry to Middle East". *The New York Times*. Truy cập ngày 2 tháng 4 năm 2008.
 - [↑] "Meet Helen and Aphrodite, Cyprus's indigenous cats". *China Daily*. Truy cập ngày 3 tháng 11 năm 2009.
 - [↑] ICZN (31 tháng 3 2003). "OPINION 2027: Usage of 17 specific names based on wild species which are pre-dated by or contemporary with those based on domestic animals (Lepidoptera, Osteichthyes, Mammalia): conserved". *Bulletin of Zoological Nomenclature* (International Commission on Zoological Nomenclature) **60** (1). Truy cập 13 tháng 7 2006. Kiểm tra giá trị ngày tháng trong: |date=, |accessdate= (trợ giúp)
 - [↑] [1]
 - [↑] "Feline Statistics". Truy cập ngày 15 tháng 8 năm 2005.
 - [↑] "Spay and Neuter Your Pet Cats". Truy cập ngày 8 tháng 8 năm 2005.
 - [↑] [2]
 - [↑] "At Home: Care / Health: Understanding Cats". Truy cập ngày 15 tháng 8 năm 2005.
 - [↑] Animal Doctor (9 tháng 7 2002). "Dear Dr. Fox". *The Washington Post*, p. C10.
 - [↑] * Ring, Ken and Romhany, Paul (1 tháng 8 1999). *Pawmistry: Howto Read Your Cat's Paws*. Ten Speed Press (Berkeley, California), p. 10. ISBN 1-58008-111-8
 - [↑] "Normal Values For Dog and Cat Temperature, Blood Tests, Urine and other information in ThePetCenter.com". Truy cập ngày 8 tháng 8 năm 2005.

19. ^a ["Why Do Cats Like High Places?"](#)^b. Drs. Foster & Smith, Inc. Dr. Holly Nash, DVM, MS.
20. ^a Veterinary & Aquatic Services Department. [""High-Rise Syndrome: Cats Injured Due to Falls""](#)^b. Drs. Foster & Smith, Inc.
21. ^a ["Falling Cats"](#)^b. Truy cập ngày 24 tháng 10 năm 2005.
22. ^a Irene Rochlitz (2007). *The Welfare of Cats (Animal Welfare)*. Berlin: Springer. tr. 141–175. ISBN 1-4020-6143-9.
23. ^a [What is the difference between a stray cat and a feral cat?](#)^b Humane Society of the United States
24. ^a [a a b](#) Mason, I. L. (1984). *Evolution of Domesticated Animals*. Prentice Hall Press. ISBN 0-582-46046-8.
25. ^a ["Oldest Known Pet Cat? 9500-Year-Old Burial Found on Cyprus"](#)^b. *National Geographic News*. National Geographic Society. Ngày 8 tháng 4 năm 2004. Truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2007.
26. ^a Muir, Hazel (ngày 8 tháng 4 năm 2004). ["Ancient remains could be oldest pet cat"](#)^b. *New Scientist*. Truy cập ngày 23 tháng 11 năm 2007.
27. ^a Walton, Marsha (ngày 9 tháng 4 năm 2004). ["Ancient burial looks like human and pet cat"](#)^b. CNN. Truy cập ngày 23 tháng 11 năm 2007.
28. ^a Paul Veyne, "The Household and its Freed Slaves", in Philippe Ariès and Georges Duby, eds, *A History of Private Life I: From Pagan Rome to Byzantium* 1987/81 and illustration (Bordeaux, Aquitaine Museum)
29. ^a O'Connor, T. P. (2007). "Wild or Domestic? Biometric Variation in the Cat *Felis silvestris*". *International Journal of Osteoarchaeology* **17** (6): 581–595. doi:10.1002/oa.913^b.
30. ^a Geyer, Georgie Anne (2004). *When Cats Reigned Like Kings: On the Trail of the Sacred Cats*. Kansas City, Missouri: Andrews McMeel. ISBN 0740746979.
31. ^a Minou Reeves (2000). *Muhammad in Europe*. New York University (NYU) Press. tr. 52. ISBN 0814775330.
32. ^a Nora Sugobono (ngày 7 tháng 3 năm 2010). ["Las vidas del gato"](#)^b (bằng tiếng Tây Ban Nha). El Comercio. Truy cập ngày 19 tháng 3 năm 2010.
33. ^a Tim Dowling (ngày 19 tháng 3 năm 2010). ["Tall tails: Pet myths busted"](#)^b. *The Guardian* (London). Truy cập ngày 18 tháng 3 năm 2010.
34. ^a Wachtmeister, Rosina (2008). ["Cat Myths, Misinformation and Untruths"](#)^b. *Best-Cat-Art.com*. Truy cập ngày 22 tháng 11 năm 2008.
35. ^a [The ASPCA Warns About High-Rise Falls by Cats](#)^b About.com

Tham khảo [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Đọc thêm [\[sửa\]](#) [sửa mã nguồn](#)

- Case, Linda P. (2003). *The cat: its behavior, nutrition, & health*. Ames, Iowa: Iowa State Press. [ISBN 0-8138-0331-4](#).
- Committee on Animal Nutrition (1986). *Nutrient Requirements of Cats* (ấn bản 2). National Academy Press. [ISBN 0309074835](#).
- Bruce Fogle; foreword by Andrew Edney. (1981). *Interrelations Between People and Pets*. Charles C Thomas Pub Ltd. [ISBN 0398041695](#).
- Jensen, Per (2009). *The Ethology of Domestic Animals (Modular Text)*. Wallingford: CABI. [ISBN 1-84593-536-5](#).
- Kahn, Cynthia M.; Line, Scott (2007). *The Merck/Merial Manual for Pet Health* (ấn bản 1). Merck. [ISBN 0911910999](#).
- Mason, I.L. (1984). *Evolution of Domesticated Animals*. Prentice Hall Press. [ISBN 0582460468](#).
- Rochlitz, Irene (2007). *The Welfare of Cats* (ấn bản 1). Springer. [ISBN 1402061439](#).
- Sunquist, Melvin E; Sunquist, Fiona (2002). *Wild cats of the world*. [University of Chicago Press](#). [ISBN 0226779998](#).
- Turner, D.C.; Bateson, P. (2000). *The Domestic Cat: The Biology of its Behaviour* (ấn bản 2). Cambridge University Press. [ISBN 0521636485](#).
- Walker, Warren F. (1982). *Study of the Cat with Reference to Human Beings* (ấn bản 4). Thomson Learning. [ISBN 0030579147](#).

Liên kết ngoài [\[sửa | sửa mã nguồn \]](#)

Các vấn đề y học

- [Feline Medical & Behaviour Database](#) (large number of short articles)
- [“DNA Offers New Insight Concerning Cat Evolution”](#). The New York Times. 6 tháng 1, 2006. **Kiểm tra giá trị ngày tháng trong: `|date=`** (trợ giúp)
- [High-Resolution Images of the Cat Brain](#)
- [Onions are Toxic to Cats](#)



Wikispecies có thông tin sinh học về **Mèo**



Wikimedia Commons có thư viện hình ảnh và phương tiện truyền tải về **Mèo**

Mèo hoang

- [Australian Threat Abatement Plan for Predation by Feral Cats](#)
- [Feral cats](#) (University of Florida)
- [Feral cats](#) (BBC)
- [Animals Australia](#): Feral Cat bibliography
- [American Veterinary Medical Association](#) (large article on cat colonies)
- [Feral cats](#) (The Wildlife Society)

Mèo ăn chay

- [Vegpets.com](#) Information site for vegetarian cats and other pets
- [Harbingers of a New Age](#) Makers of the Vegecat supplement
- [AMi](#) Makers of vegetarian kibble for cats (for Europe)

Linh tinh

- [American Bird Conservancy](#) (domestic cat predation)
- [New Potential Smallest Cat](#)
- [BBC.CO.UK Description of the Cat](#)
- *Cationary: Meaningful Portraits of Cats* by Sharon Montrose, ISBN 0-670-03059-7

x · t · s		Những loài còn tồn tại của họ Mèo
Giới: Động vật · Ngành: Dây sống · Lớp: Thú · Bộ: Ăn thịt · Phân bộ: Dạng Mèo		
Phân họ Felinae (Mèo)	Chi <i>Acinonyx</i>	<i>A. jubatus</i> (Báo săn)
	Chi <i>Caracal</i>	<i>C. caracal</i> (Linh miêu tai đen)
	Chi <i>Felis</i> (Mèo)	<i>F. bieti</i> (Mèo núi Trung Hoa) · <i>F. catus</i> (mèo nhà) · <i>F. chaus</i> (Mèo ri) · <i>F. manul</i> (Mèo manul) · <i>F. margarita</i> (Mèo cát) · <i>F. nigripes</i> (Mèo chân đen) · <i>F. silvestris</i> (Mèo rừng)
	Chi <i>Leopardus</i> (Gấm)	<i>L. braccatus</i> (Mèo Pantanal) · <i>L. colocolo</i> (Mèo đồng cỏ Nam Mỹ) · <i>L. geoffroyi</i> (Mèo Geoffroy) · <i>L. guigna</i> (Mèo đốm Kodkod) · <i>L. jacobita</i> (Mèo núi Andes) · <i>L. pajeros</i> (Mèo Pampas) · <i>L. pardalis</i> (Mèo gấm Ocelot) · <i>L. tigrinus</i> (Mèo đốm Oncilla) · <i>L. wiedii</i> (Mèo đốm Margay)
	Chi <i>Leptailurus</i>	<i>L. serval</i> (Linh miêu đồng cỏ)
	Chi <i>Lynx</i> (Linh miêu)	<i>L. canadensis</i> (Linh miêu Canada) · <i>L. lynx</i> (Linh miêu Âu-Âu) · <i>L. pardinus</i> (Linh miêu Iberia) · <i>L. rufus</i> (Linh miêu đuôi cộc)
	Chi <i>Pardofelis</i>	<i>P. marmorata</i> (Mèo gấm) · <i>P. badia</i> (Mèo nâu đỏ) · <i>P. temminckii</i> (Báo lửa)
	Chi <i>Prionailurus</i> (Mèo báo)	<i>P. bengalensis</i> (Mèo báo) · <i>P. planiceps</i> (Mèo đầu phẳng) · <i>P. rubiginosus</i> (Mèo đốm gỉ) · <i>P. viverrinus</i> (Mèo cá)
	Chi <i>Profelis</i>	<i>P. aurata</i> (Beo vàng châu Phi)
	Chi <i>Puma</i>	<i>P. concolor</i> (Báo sư tử) · <i>P. yagouaroundi</i> (Mèo cây châu Mỹ)
Phân họ Pantherinae (Báo)	Chi <i>Panthera</i> (Báo)	<i>P. leo</i> (Sư tử) · <i>P. onca</i> (Báo đốm) · <i>P. pardus</i> (Báo hoa mai) · <i>P. tigris</i> (Hổ)
	Chi <i>Uncia</i>	<i>U. uncia</i> (Báo tuyết)
	Chi <i>Neofelis</i> (Báo gấm)	<i>N. nebulosa</i> (Báo gấm) · <i>N. diardi</i> (Báo gấm Sunda)

Thể loại: Động vật đã được thuần hóa | Chi Mèo | Sinh vật mô hình | Loài động vật có vú xâm hại | Mèo | Động vật được mô tả năm 1758 | Động vật ăn thịt | Lớp Thú

